

Số: /BC-SCT

Quảng Trị, ngày tháng 7 năm 2021

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI**  
**THÁNG 7 NĂM 2021**

**I. Tình hình sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại:**

**1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp:**

**1.1. Chỉ số, giá trị sản xuất công nghiệp:**

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 7/2021 giảm 2,38% so với tháng trước và tăng 12,22% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó: Ngành công nghiệp khai khoáng tăng 14,18%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,41%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hòa không khí tăng 22,31%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 9,56% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Tính chung, chỉ số sản xuất công nghiệp trong 7 tháng đầu năm 2021 tăng 9,48% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Lĩnh vực công nghiệp khai khoáng tăng 7,4%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 8,3%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 16,07%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 2,51% so với cùng kỳ năm trước.

**1.2. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu:**

Tháng 7/2021, một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu có mức tăng cao so với tháng cùng kỳ năm trước như: Ván ép tăng 33,23%; gỗ cưa, gỗ xẻ tăng 24,14%; quặng inmenit tăng 21,03%; điện sản xuất tăng 20,92%; phân hóa học tăng 15,84%; xi măng tăng 14,93%; quần áo may sẵn tăng 10,73%. Một số sản phẩm duy trì mức tăng ổn định như: Nước máy tăng 8,6%; nước hoa quả (tăng lực) tăng 6,64%; điện thương phẩm tăng 2,06%; tấm lợp pro xi măng tăng 1,84%; lốp xe các loại tăng 0,32%. Bên cạnh đó, một số sản phẩm giảm như: Bia lon giảm 8,0%; dăm gỗ giảm 6,74%; quặng zircon giảm 6,59%; tinh bột sắn giảm 3,66%; sắn xe các loại giảm 2,67% so với tháng cùng kỳ năm trước.

**2. Lĩnh vực thương mại và xuất nhập khẩu:**

**2.1 Lĩnh vực thương mại:**

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 7/2021 ước đạt 2889,93 tỷ đồng, tăng 3,55% so với tháng trước và tăng 0,39% so với tháng cùng kỳ năm trước. Tính từ đầu năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 19.361,61 tỷ đồng, tăng 8,72% so với cùng kỳ năm trước<sup>1</sup> và đạt 52,9% so với kế hoạch năm 2021.

<sup>1</sup> Trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 16.949,06 tỷ đồng, tăng 8,6% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 1.725,6 tỷ đồng, tăng 9,33% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu du lịch lữ hành ước đạt 1,25 tỷ đồng, giảm 71,23% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ khác ước đạt 686,95 tỷ đồng, tăng 10,24% so với cùng kỳ năm trước.

## **II. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực công thương**

- Xây dựng báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm, triển khai nhiệm vụ kế hoạch 6 tháng cuối năm 2021 của ngành Công Thương; Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị số 08/CT-BCT ngày 25/5/2021 của Bộ Công Thương; Báo cáo tổng kết thực hiện NQ 26/NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Thực hiện các báo cáo chuyên đề công tác khuyến công, quản lý cụm công nghiệp, công nghiệp hỗ trợ, vật liệu nổ công nghiệp, thương mại biên giới, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn trong 6 tháng năm 2021 trên địa bàn tỉnh.

- Báo cáo đề xuất UBND tỉnh tình hình thực hiện các dự án kỹ niệm 30 năm ngày lập lại tỉnh; Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình Nâng tiết diện đường dây 110kV Đông Hà - Lao Bảo; Thỏa thuận điều chỉnh hướng tuyến đường dây 22kV gom các tua bin Dự án NMDG Tân Linh, hỗ trợ Dự án Nhà máy điện gió Hướng Hiệp 1; hướng tuyến đường dây 110kV đấu nối Dự án NMDG Hướng Linh 7, vào hệ thống điện quốc gia. Rà soát, xác định hiện trạng sử dụng đất, rừng Dự án Trung tâm Điện khí LNG Hải Lăng - 1.500MW.

- Tham mưu xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Hội nhập quốc tế tỉnh; Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW của BCH TW Đảng khóa XII thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh nước ta tham gia các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; Báo cáo Tổng kết, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết 49/NQ-CP và xây dựng Nghị quyết mới về hội nhập kinh tế quốc tế.

- Triển khai công tác tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tiêu thụ, vận chuyển nông sản tại tỉnh Quảng Trị trong điều kiện dịch COVID-19; Tham mưu công tác dự trữ hàng hóa phòng, chống thiên tai, dịch bệnh năm 2021; Triển khai thực hiện vận hành Sàn thương mại điện tử tỉnh. Tổ chức thực hiện Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với hoạt động bán hàng đa cấp trên địa bàn. Tổ chức họp bàn, tham mưu giải quyết kiến nghị của các hộ tiểu thương kinh doanh tại chợ Do, thị trấn Cửa Tùng, huyện Vĩnh Linh; Đề xuất phương án nâng cấp cơ sở hạ tầng Cửa khẩu phụ Tà Rùng phục vụ hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa của thương nhân.

- Xây dựng báo cáo Bộ Công Thương tình hình theo dõi thi hành pháp luật về thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính của lực lượng QLTT và các lực lượng chức năng trong ngành Công Thương; Báo cáo công tác theo dõi thi hành pháp luật về thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính của Thanh tra Sở Công Thương giai đoạn từ 01/01/2019 đến 31/5/2021; Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 134/2020/QH14 của Quốc hội khóa XIV về công tác bồi thường nhà nước năm 2021.

- Báo cáo kiểm điểm về tình hình thực hiện Chương trình công tác của UBND tỉnh; các Kết luận và Chương trình công tác trọng tâm UBND tỉnh; Báo cáo Tổng kết thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 15/4/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2016-2020.

- Ban hành Kế hoạch điều động, điều chuyển vị trí công tác công chức, viên chức thuộc Sở giai đoạn 2021-2025; ban hành Kế hoạch xây dựng “Đơn vị học tập” của Sở; Kế hoạch Phòng, chống thiên tai năm 2021; Báo cáo về việc giải trình và tiếp thu ý kiến tham gia dự thảo Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN lĩnh vực

Công thương; Phương án Phòng, chống dịch Covid-19 tại Sở; thành lập Tổ công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 tại Sở Công Thương

- Phối hợp thống nhất thu phí, lệ phí tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh bằng mã thanh toán QR code; Rà soát đề xuất Danh mục TTHC được giảm mức thu phí, lệ phí theo Thông tư số 47/2021/TT-BTC; Rà soát TTHC không có hồ sơ phát sinh của Sở Công Thương; Thực hiện nhiệm vụ về cung cấp dịch vụ công trực tuyến và cơ chế một cửa tại các Nghị quyết của Chính phủ; Thẩm tra phương án giao quyền tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực công thương giao đoạn 2021-2023; Tạo QR-CODE đăng ký thông tin điểm kiểm dịch tại Sở Công Thương.

### **III. Một số công tác trọng tâm tháng 8 năm 2021**

- Chuẩn bị nội dung làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tình hình thực hiện các dự án động lực của tỉnh; Chương trình phát triển năng lượng tái tạo tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025. Thực hiện các nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trên Hệ thống phần mềm theo dõi nhiệm vụ của tỉnh. Đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 6 tháng đầu năm 2021 và xây dựng kế hoạch ngành công thương năm 2022; Báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm, triển khai nhiệm vụ kế hoạch 6 tháng cuối năm 2021 của các Ban chỉ đạo do Sở làm cơ quan thường trực. Phối hợp cung cấp thông tin tài liệu phục vụ lập quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 về quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn và triển khai thực hiện; Tiếp tục triển khai thực hiện chương trình khuyến công tỉnh và quốc gia trên địa bàn tỉnh năm 2021; Trình Bộ Công Thương phê duyệt kinh phí khuyến công quốc gia đợt 2, năm 2021.

- Tiếp tục hỗ trợ nhà đầu tư triển khai các dự án công nghiệp, năng lượng tái tạo đã được phê duyệt quy hoạch; Hỗ trợ nhà đầu tư hoàn thành thủ tục đầu tư để triển khai các dự án đảm bảo tiến độ; Kiểm tra, rà soát các dự án điện mặt trời báo cáo UBND tỉnh, Bộ Công Thương. Tham mưu thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy về Nghị quyết số 55-NQ/TW, ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc các quy định về tăng cường các biện pháp cấp bách trong phòng, chống COVID-19 của ngành. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 07/CT-BCT, Chỉ thị số 08/CT-BCT của Bộ Công Thương về các giải pháp đảm bảo cân đối cung cầu, bình ổn thị trường, tạo điều kiện thực hiện trong lưu thông và tăng cường hỗ trợ tiêu thụ tại thị trường trong nước các sản phẩm nông sản của các địa phương có số lượng lớn. Tiếp tục triển khai kế hoạch phát triển thương mại điện tử năm 2021; Nâng cấp sàn thương mại điện tử tỉnh; Triển khai giải pháp truy xuất nguồn gốc điện tử.

- Tham gia Đoàn thanh tra chuyên ngành về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đối với cơ sở kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh; Tham mưu giải quyết kiến nghị của tập thể tiêu thương Chợ Do, thị trấn Cửa Tùng.

- Xây dựng Quy chế làm việc và Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng, Thanh tra và các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở theo Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND ngày 01/4/2021 của UBND tỉnh và triển khai kế hoạch tuyển dụng công chức, viên chức năm 2021. Phối hợp thực hiện Đề án thi tuyển chức danh Phó Giám đốc Sở Công Thương. Tổ chức kiện toàn lại các Ban chỉ đạo của Sở; kiện toàn nhân sự các BCD tỉnh do cơ quan Sở làm thành viên.

- Hoàn thiện và ban hành Quy chế Văn thư lưu trữ theo Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 03/3/2021 của UBND tỉnh về ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử giữa các cơ quan, tổ chức thuộc tỉnh Quảng Trị. Tiếp tục triển khai các nội dung về công tác cải cách hành chính của Sở; Thực hiện các nội dung chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI) của ngành Công Thương năm 2021; Đề xuất các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở. Tiếp tục triển khai phần mềm “một cửa điện tử” tại Sở và các hoạt động duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 của Sở; Xây dựng Kế hoạch triển khai các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của Sở năm 2021.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình công nghiệp - thương mại, công tác quản lý nhà nước của Sở trong tháng 7 năm 2021 và một số nhiệm vụ trọng tâm trong tháng 8 năm 2021; Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh, các Sở, ban ngành liên quan./.

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh (b/c);
- Văn phòng Bộ Công Thương;
- Cục CTĐP, Vụ KH-BCT;
- VP Tỉnh uỷ; VP HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh (2b);
- Sở KH & ĐT; Cục Thống kê Quảng Trị;
- Lãnh đạo Sở;
- Các Phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Hữu Hưng**

## SỞ CÔNG THƯƠNG

Biểu 02/SCT

## CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Tháng 7 và 7 tháng năm 2021

Đơn vị: %

Tên ngành	Chính thức tháng 6/2021		Dự ước tháng 7/2021			Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 7/2021 so với tháng 7/2020
	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng cùng kỳ năm trước	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng trước	So với tháng cùng kỳ năm trước	
A	1	2	3	4	5	6
<b>Toàn ngành</b>	<b>191.95</b>	<b>109.83</b>	<b>183.53</b>	<b>97.62</b>	<b>112.22</b>	<b>109.48</b>
1. Công nghiệp khai khoáng	124.55	112.36	119.85	96.23	114.18	107.40
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	193.52	108.21	179.89	94.96	109.41	108.30
3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	243.01	115.65	253.91	104.49	122.31	116.07
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	125.36	107.69	129.53	103.33	109.56	102.51

Đơn vị b/c: Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị  
 Đơn vị nhận b/c: - UBND tỉnh Quảng Trị;  
 - Vụ Kế hoạch (BCT)

Biểu số 01/SCT-BCT  
 Ngày nhận b/c: Ngày 22 hàng tháng

## BÁO CÁO THỐNG KÊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI

### Tháng 7 và 7 tháng năm 2021

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện tháng cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
<b>I</b>	<b>Sản lượng một số SP công nghiệp chủ yếu</b>	<b>Sản phẩm</b>								
1	Quặng inmenit và tinh quặng inmenit	Tấn	955	886	6453	732	6031	92.75%	121.03%	107.00%
2	Quặng zircon và tinh quặng zircon	Tấn	637.31	673	4240	720	4475	105.53%	93.41%	94.74%
3	Tinh bột sắn	Tấn	1348	1158	39144	1202	39664	85.90%	96.34%	98.69%
4	Bia lon	1000 lít	955	1300	7236	1419	4316	136.13%	92%	167.66%
5	Nước hoa quả, tăng lực	1000 lít	988	1060	6897	994	6126	107.29%	106.64%	112.59%
6	Bộ com-lê, quần áo	1000 cái	2195.61	2123	12800	1918	12037	96.71%	110.73%	106.34%
7	Gỗ cưa, gỗ xẻ	M3	5900	5942	39772	4787	36332	100.72%	124.14%	109.47%
8	Dăm gỗ	Tấn	29274	30021	180695	32192	205928	102.55%	93.26%	87.75%
9	Ván ép	M3	22604	20800	151864	15612	89505	92.02%	133.23%	169.67%
10	Colophan và axit nhựa cây	Tấn	589	590	3132	425	2859	100.17%	138.82%	109.55%
11	Phân hoá học (NPK)	Tấn	5786	4600	38439	3971	36032	79.50%	115.84%	106.68%

12	Lốp xe các loại	1000 cái	313	315	1985	314	1718	100.64%	100.32%	115.54%
13	Săm xe các loại	1000 cái	506	511	2828	525	2878	100.99%	97.33%	98.26%
14	Xi măng	Tấn	26939	26000	167794	22623	156507	96.51%	114.93%	107.21%
15	Tấm lợp pro xi măng	1000 m <sup>2</sup>	413	410	2972	403	2768	99.27%	101.84%	107.35%
16	Điện sản xuất	Triệu KWh	96	107	581	88	490	110.95%	120.92%	118.36%
17	Điện thương phẩm	Triệu KWh	68	69	413	68	419	101.76%	102.06%	98.58%
18	Nước máy	1000 m <sup>3</sup>	1309	1360	8206	1252	8091	103.90%	108.60%	101.42%
<b>II</b>	<b>Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu hoạt động dịch vụ</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>2790.99</b>	<b>2889.93</b>	<b>19361.61</b>	<b>2878.82</b>	<b>17808.35</b>	<b>103.55%</b>	<b>100.39%</b>	<b>108.72%</b>
<b>1</b>	<b>Doanh thu bán lẻ hàng hóa</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>2434.73</b>	<b>2514.45</b>	<b>16949.06</b>	<b>2462.25</b>	<b>15606.87</b>	<b>103.27%</b>	<b>102.12%</b>	<b>108.60%</b>
<b>2</b>	<b>Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ</b>		<b>356.26</b>	<b>375.48</b>	<b>2412.55</b>	<b>416.57</b>	<b>2201.49</b>	<b>105.40%</b>	<b>90.14%</b>	<b>109.59%</b>
<b>2.1</b>	<b>Doanh thu hoạt động dịch vụ (Lưu trú, ăn uống, lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch)</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>266.40</b>	<b>279.17</b>	<b>1725.60</b>	<b>313.82</b>	<b>1578.34</b>	<b>104.80%</b>	<b>88.96%</b>	<b>109.33%</b>
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		266.40	279.17	1724.08	313.82	1573.07	104.80%	88.96%	109.60%
	Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch	"	0.00	0.00	1.52	0.00	5.27	0.00%	0.00%	28.77%
<b>2.2</b>	<b>Doanh thu hoạt động dịch vụ khác</b>	"	89.86	96.31	686.95	102.75	623.14	107.77%	93.73%	110.24%